

Số: 21/2019/NQ-HĐND

Phú Thọ, ngày 14 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Thông qua danh mục các dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng phải thu hồi đất; danh mục các dự án có sử dụng đất phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất, rừng phòng hộ thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận; danh mục các dự án chuyển tiếp tại Nghị quyết số 10/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh; danh mục các dự án điều chỉnh, bổ sung diện tích tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đang còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Lâm nghiệp;

Xét Tờ trình số 5466/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục 120 dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng phải thu hồi đất; danh mục các dự án có sử dụng đất phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 10 héc ta, đất rừng phòng hộ dưới 20 héc ta, đất rừng sản xuất dưới 50 héc ta trên địa bàn tỉnh Phú Thọ với diện tích 260,636 héc ta (Trong đó: Diện tích đất trồng lúa 116,751 héc ta; diện

tích đất rừng sản xuất 44,379 héc ta; diện tích đất rừng phòng hộ 1,6 héc ta; diện tích các loại đất khác 97,906 héc ta), bao gồm:

- 95 dự án thu hồi đất để phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 với diện tích 230,306 héc ta.

- 25 dự án sử dụng đất thông qua hình thức nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất (Thỏa thuận bồi thường) phải chuyển mục đích đất trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp theo quy định tại Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013 và đất rừng sản xuất theo quy định tại Điều 20 Luật Lâm nghiệp năm 2017, với diện tích 30,33 héc ta.

Chi tiết từng huyện, thành, thị như sau:

- Thành phố Việt Trì 07 dự án với diện tích 12,558 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 3,942 héc ta; diện tích các loại đất khác 8,616 héc ta.

- Thị xã Phú Thọ 04 dự án với diện tích 38,32 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 24,64 héc ta và diện tích các loại đất khác 13,68 héc ta.

- Huyện Lâm Thao 07 dự án với diện tích 21,68 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 13,79 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 0,5 héc ta và diện tích các loại đất khác 7,39 héc ta.

- Huyện Phù Ninh 11 dự án với diện tích 19,5 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 12,69 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 3,4 héc ta và diện tích các loại đất khác 3,41 héc ta.

- Huyện Thanh Ba 07 dự án với diện tích 12,77 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 8,09 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 0,99 héc ta và diện tích các loại đất khác 3,69 héc ta.

- Huyện Đoan Hùng 06 dự án với diện tích 19,5 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 6,0 héc ta và diện tích các loại đất khác 13,5 héc ta.

- Huyện Hạ Hoà 09 dự án với diện tích 7,66 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 4,85 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 0,2 héc ta và diện tích các loại đất khác 2,61 héc ta.

- Huyện Cẩm Khê 08 dự án với diện tích 16,49 héc ta, trong đó: Diện tích vào đất trồng lúa 1,30 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 1,85 héc ta và diện tích các loại đất khác 13,34 héc ta.

- Huyện Yên Lập 13 dự án với diện tích 49,92 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 7,80 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 26,3 héc ta; diện tích đất rừng phòng hộ 1,6 héc ta và diện tích các loại đất khác 14,22 héc ta.

- Huyện Tam Nông 05 dự án với diện tích 24,01 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 17,39 héc ta, diện tích đất rừng sản xuất 0,47 héc ta và diện tích các loại đất khác 6,15 héc ta.

- Huyện Thanh Thủy 04 dự án với diện tích 4,75 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 2,95 héc ta và diện tích các loại đất khác 1,8 héc ta.

- Huyện Thanh Sơn 06 dự án với diện tích 4,03 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 3,55 héc ta và diện tích các loại đất khác 0,48 héc ta.

- Huyện Tân Sơn 06 dự án với diện tích 15,67 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 6,85 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 3,6 héc ta và diện tích các loại đất khác 5,22 héc ta.

- Dự án trên địa bàn 13 huyện, thành, thị (Dự án xây dựng các công trình điện của Công ty điện lực Phú Thọ; Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Bắc - Tổng Công ty điện lực Việt Nam và Ban quản lý dự án lưới điện Miền Bắc - Tổng Công ty điện lực Miền Bắc) 27 dự án với diện tích 13,778 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 2,909 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 7,069 héc ta và diện tích các loại đất khác 3,8 héc ta.

(Chi tiết có biểu số 01 và biểu số 1.1 đến biểu số 1.14 kèm theo)

Điều 2. Thông qua dự án cho chuyển tiếp thực hiện.

Tổng số 79 dự án với tổng diện tích 336,35 héc ta (Trong đó: Diện tích đất trồng lúa 127,88 héc ta, diện tích đất rừng sản xuất 32,90 héc ta và diện tích các loại đất khác là 175,57 héc ta) tại Nghị quyết số 10/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

(Chi tiết có biểu số 02 kèm theo)

Điều 3. Thông qua dự án điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất.

Các dự án điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất tại các nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua đang còn hiệu lực: Tổng số 24 dự án với diện tích 121,69 héc ta (Trong đó: Diện tích đất trồng lúa 20,16 héc ta; diện tích đất rừng phòng hộ 21,61 héc ta; diện tích đất rừng đặc dụng 11,60 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 25,01 héc ta và diện tích các loại đất khác 43,31 héc ta), trong đó:

- Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017: 01 dự án với diện tích 5,30 héc ta (Đất trồng lúa 4,80 héc ta và các loại đất khác 0,50 héc ta).

- Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017: 06 dự án với diện tích 93,33 héc ta (Đất trồng lúa 5,88 héc ta, đất rừng phòng hộ 21,61 héc ta; đất rừng đặc dụng 11,60 héc ta, đất rừng sản xuất 16,52 héc ta và các loại đất khác 37,72 héc ta).

- Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2018: 03 dự án với diện tích 8,11 héc ta (Đất trồng lúa 2,85 héc ta, đất rừng sản xuất 5,02 héc ta và các loại đất khác 0,24 héc ta).

- Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018: 08 dự án với diện tích 6,12 héc ta (Đất trồng lúa 4,28 héc ta, các loại đất khác 1,84 héc ta).

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2019: 01 dự án với diện tích 1,10 héc ta (Đất rừng sản xuất 0,72 héc ta, các loại đất khác 0,38 héc ta).

- Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2019: 05 dự án với diện tích 7,73 héc ta (Đất trồng lúa 2,35 héc ta, đất rừng sản xuất 2,75 héc ta và các loại đất khác 2,63 héc ta).

(Chi tiết có biểu số 03 kèm theo)

Điều 4. Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ Khóa XVIII, Kỳ họp thứ Chín thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2020./. ↴

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Các Bộ: TN&MT, NN&PTNT;
- Bộ Tư lệnh Quân khu II;
- Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế (Bộ TN và MT);
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TAND, VKSND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- CVP, các PCVP;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- TT Công báo - Tin học (VP UBND tỉnh);
- Lưu VT, TH (T&Đb). *CH*

CHỦ TỊCH



Bùi Minh Châu